

**Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 qua nội dung thực hành tiếng Việt****Nguyễn Thành Công***Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế***THÔNG TIN BÀI BÁO***Quá trình xử lý:**Ngày nhận bài: 08/01/2023**Ngày nhận bản chỉnh sửa: 14/3/2023**Ngày nhận đăng: 17/3/2023**Ngày xuất bản: 20/8/2026**Từ khóa:**Năng lực ngôn ngữ;**Thực hành tiếng Việt;**Biện pháp;**Học liệu;**Kỹ thuật;**Trải nghiệm.***TÓM TẮT**

Phát triển năng lực ngôn ngữ là mục tiêu quan trọng của dạy học Ngữ văn. Ở lớp 6, mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ được thực hiện một cách hiệu quả qua hoạt động thực hành tiếng Việt. Từ các khảo cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đề xuất một số định hướng và biện pháp phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 nhằm tác động đến nguồn học liệu, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Bài viết cũng khẳng định vai trò của hoạt động trải nghiệm thực hành tiếng Việt trong việc hình thành kiến thức ngôn ngữ và rèn luyện đọc, viết, nói và nghe cho người học.

1. DẪN NHẬP

Phát triển năng lực (NL) ngôn ngữ cho học sinh (HS) lớp 6 qua nội dung Thực hành tiếng Việt luôn được các nhà sư phạm chú trọng như một trong những cách thức, con đường mang lại hiệu quả cao. Ở các lớp đầu cấp trung học cơ sở, kỹ năng (KN) đọc, viết, nói và nghe đã từng bước được hình thành. Với chiến lược dạy học riêng, các bộ sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn 6 đã đề xuất những cấu trúc mang tính đặc thù. Trong SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống, Thực hành tiếng Việt là một nội dung có vị trí quan trọng giúp kết nối giá trị của đọc với việc phát triển kỹ năng viết, nói và nghe. Mặc dù vậy, tùy thuộc vào đối tượng người học, cần thiết phải có những tác động điều chỉnh nguồn học liệu cũng như cách thức tổ chức dạy học nội dung này nhằm phát triển hiệu quả NL ngôn ngữ cho người học.

2. NỘI DUNG**2.1. Nội dung Thực hành tiếng Việt đối với việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6**

NL ngôn ngữ là khả năng (hoặc kiến thức) làm một việc gì đó bằng cách sử dụng ngôn ngữ (Nguyễn, 2011). Chúng ta sử dụng ngôn ngữ để đọc, nói và viết. Điều này cũng có nghĩa là ngôn ngữ luôn hiện diện trong cả quá trình tiếp nhận và tạo lập, sản sinh ngôn bản của mỗi con người.

NL ngôn ngữ được tạo nên bởi ba thành tố. Thứ nhất là những kiến thức về ngôn ngữ, gồm hệ thống chữ cái, chính tả, phát âm, từ vựng, ngữ pháp, tu từ... Thứ hai là những kỹ năng về ngôn ngữ, gồm hai kỹ năng dùng để tiếp nhận từ bên ngoài (đọc, nghe), hai kỹ năng cần cho tạo lập do chủ thể tạo ra (nói, viết). Thứ ba là tình cảm, thái độ đối với ngôn ngữ và trong việc sử dụng ngôn ngữ. Đó là ý thức học hỏi, tích lũy những hiểu biết về ngôn ngữ; thái độ trân trọng, giữ gìn, bảo vệ, góp phần làm giàu đẹp, trong sáng thêm ngôn ngữ dân tộc mình (Nguyễn, 2011). Từ thực hoạt động rèn luyện kỹ năng, NL ngôn ngữ được xem là một NL tổng hợp trên cơ sở những biểu hiện của đọc, viết, nghe, nói. Các yếu tố đọc, viết, nghe, nói luôn có mối quan hệ chặt chẽ, thúc đẩy, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Từ điểm nhìn của giá trị phẩm chất, NL ngôn ngữ có vai trò hết sức quan trọng đối với mọi mặt nhân cách của con người, từ tư tưởng, trí tuệ, tình cảm cho đến ý chí, niềm tin.

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thành Công;**Địa chỉ e-mail: thanhcongdkr@gmail.com**DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.121.2026>*

Từ phương diện phát triển NL ngôn ngữ, mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp trung học cơ sở được xác định là: “Tiếp tục phát triển các NL chung, NL ngôn ngữ, NL văn học hình thành ở cấp tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Phát triển NL ngôn ngữ với yêu cầu: phân biệt được các loại văn bản đã học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại văn bản; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, logic, đúng quy trình và có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Ở bước tiếp theo, mục tiêu phát triển NL ngôn ngữ được cụ thể hoá bằng các yêu cầu cần đạt. Theo đó, HS lớp 6 cần đạt được các yêu cầu về đọc hiểu theo loại văn bản, nắm quy trình và thực hành viết sáng tạo theo các kiểu bài văn như kể lại một trải nghiệm, một truyền thuyết, tả cảnh sinh hoạt, kiến tạo văn bản thuyết minh... Bên cạnh đó, mạch kiến thức tiếng Việt cũng được xem xét như một thành tố quan trọng nhằm đảm bảo một cách chắc chắn chất lượng lời nói (từ cả bình diện tiếp nhận lẫn tạo lập). Mạch kiến thức tiếng Việt ở lớp 6 gắn với các vấn đề về từ vựng (mạch 1), ngữ pháp (mạch 2), văn bản và các yếu tố gia tăng hiệu quả biểu đạt cho đoạn văn, văn bản (mạch 3), biến thể ngôn ngữ, hoạt động giao tiếp và phương tiện giao tiếp đa phương thức (mạch 4) (Đỗ et al., 2019).

Chúng tôi đã khảo cứu SGK Ngữ văn 6, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống và nhận thấy vai trò quan trọng của nội dung Thực hành tiếng Việt.

SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống gồm có 10 bài học. Bộ sách cũng được thiết kế theo mạch hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển NL ngôn ngữ, NL văn học cho HS. Trong bộ sách này, phần *Thực hành tiếng Việt* sắp xếp sau hoạt động đọc hiểu văn bản nhằm tạo cơ hội cho HS vận dụng các kiến thức ngôn ngữ để nhận biết, phân tích tác dụng của việc sử dụng tiếng Việt trong biểu đạt ý nghĩa, qua đó đọc hiểu văn bản tốt hơn. Đồng thời HS có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt để nói, viết đoạn văn, bài văn trọn vẹn. Cấu trúc cũng như sự phân bố kiến thức tiếng Việt của bộ SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống, theo đánh giá của chúng tôi, là logic và khá thuận lợi cho HS trong cả hình thành tri thức mới lẫn vận hành các phương tiện ngôn ngữ.

Như đã nói ở trên, nội dung Thực hành tiếng Việt được sắp xếp ngay sau hoạt động đọc hiểu văn bản và viết kết nối với đọc. Sau các trải nghiệm đọc hiểu và khám phá văn bản, HS được thực hành tiếng Việt dựa trên những đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong văn bản đọc ứng dụng. Thông qua đó HS từng bước được cung cấp kiến thức tiếng Việt, vận dụng ngay vào các ngữ cảnh cụ thể. Ngoài kiến thức mới ở lớp 6, bộ sách còn tận dụng cơ hội khai thác kiến thức đã học ở tiểu học để HS vận dụng thực hành nếu văn bản có đơn vị hay hiện tượng ngôn ngữ liên quan. Chẳng hạn như ở bài 1 có biện pháp tu từ so sánh HS đã được học từ lớp 3 và biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ HS được học từ lớp 5. Sách Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống chọn cách dạy học tiếng Việt không theo logic kiến thức của Việt ngữ học mà gắn với giao tiếp thực tế, nhờ đó tăng cường tính chất ứng dụng của việc học.

Ngoài việc được vận dụng thường xuyên các kiến thức tiếng Việt để nhận biết và phân tích tác dụng của phương tiện ngôn ngữ trong biểu đạt ý nghĩa, với chiến lược dạy học của bộ sách, HS còn có thể vận dụng các kiến thức tiếng Việt để viết, từ đoạn ngắn đến viết một văn bản trọn vẹn. Việc đặt thực hành tiếng Việt sau hoạt động đọc, tiếp theo là viết, nói và nghe về những vấn đề gợi ra từ văn bản đọc cho thấy rõ định hướng tổ chức thực hành tiếng Việt của sách Ngữ văn 6 nhất quán theo quan điểm dạy học ngôn ngữ bám sát ngữ cảnh nhưng vẫn đảm bảo tính hệ thống tương đối của kiến thức. Đó cũng là cách dạy học ngôn ngữ trong môn Ngữ văn mà các nước phát triển đã áp dụng từ nhiều thập kỷ qua.

Thực hành tiếng Việt là nội dung có tính kết nối, giúp gia tăng chất lượng thực hành ngôn ngữ cho HS. Tuy nhiên, tổ chức dạy học nội dung này cần thiết phải dựa trên những số liệu xác thực về đặc điểm ngôn ngữ, tư duy của HS từng vùng miền. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi đã phỏng vấn giáo viên và lấy mẫu khảo sát bài viết của HS lớp 6 tại ba trường trung học cơ sở tại huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị để có những nhận định bước đầu về thực trạng dạy học phát triển NL ngôn ngữ. Các phép đo thực nghiệm nói trên đã phản ánh những khó khăn, bất cập trong hoạt động dạy học nội dung thực hành tiếng Việt cho đối tượng HS dân tộc thiểu số, cả về nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức dạy học lẫn các điều kiện về cơ sở vật chất. Trình độ tiếng Việt của HS cũng như nhận thức, thái độ và sự nỗ lực của các em trong hoàn thiện NL ngôn ngữ cho bản thân cũng là một biểu hiện đáng quan tâm. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc phân tích cụ thể, thấu đáo các tri thức tiếng Việt cho HS do hạn chế về ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Nói cách khác, trong những trường hợp đặc biệt như gặp khái niệm trừu tượng, từ ngữ khó cần huy động đến ngôn ngữ dân tộc thiểu số để giải thích thì giáo viên thật sự không thể nào xoay trở được. Trong khi đó, việc xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với tình huống giao tiếp tự nhiên và dựa trên kinh nghiệm của HS cũng không hề dễ dàng với đa số giáo viên.

2.2. Biện pháp phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 qua nội dung Thực hành tiếng Việt

2.2.1. Định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 qua nội dung Thực hành tiếng Việt

Để phát triển NL ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 qua nội dung Thực hành tiếng Việt, cần đảm bảo các nguyên tắc, định hướng cơ bản:

- i) Đảm bảo mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển năng lực và đặc điểm đối tượng học sinh;
- ii) Đảm bảo đặc trưng nội dung Thực hành tiếng Việt;
- iii) Đảm bảo tính hệ thống và tính vừa sức;
- iv) Đảm bảo tính tích hợp và tính phân hoá.

Môn Ngữ văn với thời lượng dạy học khá lớn trong nhà trường và với tư cách là một môn học có tính công cụ, lẽ tất nhiên phải tính đến các chiến lược tác động phù hợp dựa trên những chuyển biến tâm lý, nhận thức và hành vi của HS đầu cấp trung học cơ sở. Đối với địa bàn huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, HS đa số là người dân tộc thiểu số, sinh sống và học tập trong một môi trường tích cực nhưng còn gặp quá nhiều khó khăn. Nếu không gắn liền mục tiêu phát triển NL ngôn ngữ với những đặc điểm riêng về khả năng đọc, viết, nói, nghe của HS lớp 6 người dân tộc thiểu số, các biện pháp sẽ gần như không thể giải quyết được những vấn đề bất cập hiện nay.

Dạy học Thực hành tiếng Việt theo chiến lược của bộ SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống đương nhiên có những điểm khu biệt so với các bộ SGK Cánh Diều, Chân trời sáng tạo. Điểm khu biệt này thể hiện ở sự phân bố các mạch kiến thức tiếng Việt hay cấu trúc bài học dựa trên mối quan hệ các nội dung đọc hiểu - thực hành tiếng Việt - viết, nói và nghe. Cũng chính vì lẽ đó, các biện pháp đề xuất cần được dựa trên cách thức sư phạm mà các nhà khoa học, nhà giáo dục đã chuyển giao qua hoạt động thực hành tiếng Việt. Bên cạnh đó, nếu tính hệ thống lưu ý các nhà thực hành sư phạm đến sự vận hành các hoạt động hình thức kiến thức tiếng Việt cho HS lớp 6 sao cho logic, đảm bảo trật tự khoa học thì tính vừa sức lại đặt ra yêu cầu lượng hoá chính xác điểm mạnh, điểm yếu của người học trong sử dụng ngôn ngữ.

2.2.2. Hệ thống biện pháp năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 6 qua nội dung Thực hành tiếng Việt

Nhằm phát triển NL ngôn ngữ cho HS lớp 6 qua nội dung Thực hành tiếng Việt, chúng tôi đã đề xuất 3 biện pháp cơ bản sau:

i) Xây dựng tư liệu hỗ trợ dạy học nội dung Thực hành tiếng Việt gắn với đối tượng HS dân tộc thiểu số

Tư liệu hỗ trợ môn Ngữ văn nói chung, nội dung thực hành tiếng Việt nói riêng đóng vai trò hết sức quan trọng được sử dụng thường xuyên, xuyên suốt trong quá trình dạy học. Xây dựng được bộ tư liệu đảm bảo đầy đủ, chính xác và đa dạng, phong phú nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cả người dạy lẫn người học. Nó được xem như một ngân hàng lưu trữ giúp giáo viên có thể chủ động lựa chọn sử dụng ngữ liệu một cách chính xác phù hợp với nội dung của từng bài học, từng lớp học một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian; hỗ trợ đắc lực cho giáo viên thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS được thuận lợi, hiệu quả. Bên cạnh đó, tư liệu dạy học phong phú làm cho bài học trở nên sinh động, hấp dẫn, tạo cho HS hứng thú hơn với bài học, kích thích được nhu cầu khám phá tri thức. Đặc biệt, nó trợ giúp đắc lực cho việc phát triển các NL ngôn ngữ của HS đối với nội dung thực hành tiếng Việt, bởi vì HS có cơ hội tiếp xúc, giải quyết các dạng tình huống, bài tập phong phú đa dạng, tiệm cận với những tình huống giao tiếp của các em.

Hệ thống tư liệu hỗ trợ để đảm bảo chất lượng tốt nhất, cho đến khi hoàn thành cần trải qua quy trình xây dựng đầy đủ các bước:

Bước 1. Thực hiện lựa chọn nội dung, ngữ liệu: Việc lựa chọn nội dung, ngữ liệu để đưa vào hệ thống tư liệu trước tiên phải căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu cần đạt chung về phẩm chất, NL của Chương trình Ngữ văn 6 và giới hạn nội dung thực hành tiếng Việt của SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống. Đồng thời nội dung ngữ liệu phải đảm bảo được tính phù hợp, sát thực tế với đối tượng HS, đảm bảo phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, đảm bảo tính giáo dục. Đây có thể được xem là khâu quan trọng, có tính chất nền móng cho việc xây dựng hệ thống tư liệu hỗ trợ.

Bước 2. Thực hiện biên soạn, bố trí nội dung ngữ liệu thành một hệ thống: Từ nguồn ngữ liệu đã được chọn lọc, cần biên soạn, bố trí thành một hệ thống đảm bảo có tuyến tính phù hợp với nội dung Thực hành tiếng Việt lớp 6 Kết nối tri thức với cuộc sống.

Bước 3. Đưa vào thực hiện thử nghiệm: Sau khi hoàn thiện hệ thống tư liệu hỗ trợ, tiến hành áp dụng thử nghiệm, đề xuất tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hội thảo tại các đơn vị để đánh giá, nhận xét làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung.

Bước 4. Thực hiện điều chỉnh bổ sung hoàn thiện hệ thống tư liệu trên cơ sở các ý kiến đánh giá, góp ý của giáo viên và các nhà khoa học.

Tư liệu hỗ trợ có thể là các thông tin cơ bản về kiến thức từ vựng, ngữ pháp cần được hình thành hay hệ

thống bài tập phù hợp đối tượng HS. Chúng tôi cũng chú trọng trong thiết kế những ngữ liệu chứa thông tin, hình ảnh về nơi chốn thân quen để kích thích hứng thú rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ cho HS. Ví dụ:

Bài tập. Em dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu từ ngữ đặc biệt nào trong những câu văn dưới đây:

a. Nhắc đến sông nước Đakrông không thể không nói đến những cái tên gọi về giai điệu tâm hồn những người dân nơi đây: Suối Hinh, thác Ô Ô, Thác Luồi, Thác Hiên, thác Ta Tung, sông Đakrông, sông Ba Lòng...

b. Sông Đakrông bắt đầu cuộc hành trình của mình từ vùng động A Pong, Côcava ở phía Đông Trường Sơn, gần biên giới Việt - Lào.

ii) Thiết kế kế hoạch bài dạy nội dung Thực hành tiếng Việt theo hướng phát NL

Việc thiết kế kế hoạch bài dạy trong đề tài nghiên cứu của chúng tôi chính vì lẽ đó hướng tới những mục tiêu sau:

- Cung cấp một tư liệu tham chiếu giúp giáo viên có sự so sánh để chủ động trong hoạt động giảng dạy trên lớp. Với mỗi kế hoạch dạy học, người giáo viên có điều kiện xác định mục tiêu phù hợp, lựa chọn và quyết định trước các chiến lược giảng dạy, phương pháp, kỹ thuật phù hợp từng đối tượng HS.

- Giúp giáo viên có thêm một điểm nhìn để sẵn sàng cho hoạt động giảng dạy thực hành tiếng Việt. Khi thiết kế kế hoạch bài dạy, cùng với việc chủ động lựa chọn sử dụng các chiến lược sư phạm chủ yếu hay phương pháp và phương tiện dạy học phù hợp, chúng tôi luôn để lại các “khoảng trống” liên quan đến HS như năng khiếu, sở thích, nhu cầu. Hệ thống bài tập, câu hỏi mở trong thiết kế tạo điều kiện để giáo viên điều chỉnh, lựa chọn những tác động sư phạm mới, gắn với các đối tượng HS khác nhau.

- Thiết kế bài dạy nhằm giúp giáo viên có kỹ năng giới hạn việc giảng dạy các kiến thức một cách có hệ thống, có tổ chức theo đối tượng người học.

- Giúp giáo viên khai thác hiệu quả kiến thức đã có để hình thành kiến thức mới; có ý thức hơn trong việc tích hợp các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe hướng đến mục tiêu rèn kỹ năng thực hành tiếng Việt. Các thiết kế cũng kỳ vọng tạo điều kiện thuận lợi cho HS trong việc đạt được kiến thức mới, phát triển NL ngôn ngữ từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

iii) Tổ chức hoạt động trải nghiệm Thực hành tiếng Việt tại địa phương

Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm Thực hành tiếng Việt tại địa phương bao gồm:

- Giúp HS hiểu thêm về các vẻ đẹp lịch sử, văn hóa của dân tộc, của địa phương qua các công trình kiến trúc, các câu chuyện về anh hùng, danh nhân của đất nước, của dân tộc và ở tại địa phương.

- Giúp rèn luyện cho HS các kỹ năng cơ bản: kỹ năng làm việc cá nhân và nhóm, kỹ năng hợp tác trong nhóm, kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động; kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý các thông tin; kỹ năng viết, trình bày; ứng dụng công nghệ thông tin.

- Giúp HS tự rèn luyện bồi đắp ý thức, thái độ tình cảm của mình về cội nguồn, tự hào về văn hóa truyền thống, văn hóa đặc trưng của dân tộc; trân trọng di sản văn hóa; biết ơn công lao của các thế hệ đi trước; nhiệt tình, say mê sáng tạo trong các hoạt động trải nghiệm.

- Giúp rèn luyện, nâng cao các NL hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp, tự học sáng tạo và đặc biệt là nâng cao NL ngôn ngữ tiếng Việt cho HS.

Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm được thực hiện tuần tự theo các bước như sau:

Bước 1. Đặt tên và xác định mục tiêu cho các hoạt động.

Bước 2. Xác định nội dung, hình thức của hoạt động. Căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã có, các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, của nhà trường và điều kiện của đối tượng HS để xác định các nội dung phù hợp.

Bước 3. Chuẩn bị hoạt động. Dự kiến những phương tiện, điều kiện cần thiết để hoạt động có thể thực hiện được một cách có hiệu quả.

Bước 4. Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu.

Bước 5. Thiết kế chi tiết hoạt động. Cần xác định cụ thể công việc phải thực hiện; tiến trình và thời gian thực hiện; các công việc cụ thể cho mỗi tổ, nhóm, cá nhân và yêu cầu cần đạt được đối với mỗi công việc.

Bước 6. Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động. Kiểm tra, rà soát lại nội dung và trình tự các công việc, thời gian... đảm bảo hợp lý và hiệu quả. Điều chỉnh kịp thời những nội dung còn sai sót, chưa phù hợp. Hoàn thiện bản thiết kế chương trình hoạt động bằng văn bản.

Từ các mục tiêu và quy trình nêu trên, chúng tôi đề xuất một số mô hình hoạt động trải nghiệm như: Sân khấu hoá truyện kể dân gian theo chủ đề, Hội thi...

Chúng tôi cho rằng, biện pháp quan trọng nhất là tác động vào ngữ liệu dạy học nhằm từng bước xây dựng kho tư liệu hỗ trợ HS các lớp đầu cấp trung học cơ sở thực hành tiếng Việt. Tính đặc thù của đối tượng người học dựa trên các phép đo nghiệm thực tiễn giúp nhà giáo dục có cơ sở để lựa chọn ngữ liệu, đề xuất các bài tập với độ khó phù hợp nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình, tính hệ thống của nội dung trong từng bộ sách. Bên cạnh đó, việc lồng ghép đưa vào ngữ liệu đọc, dữ kiện bài tập những trích đoạn văn bản hoặc văn bản ngắn về địa phương cũng góp phần khơi gợi hứng thú, động cơ thực hành tiếng Việt của HS người dân tộc thiểu số.

Chúng tôi cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các biện pháp tác động vào thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển NL, đồng thời gia tăng thử nghiệm ở các hoạt động trải nghiệm.

3. KẾT LUẬN

Các khảo cứu lý luận và thực tiễn đã chỉ ra vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển NL ngôn ngữ cho HS qua nội dung Thực hành tiếng Việt. Không chỉ dừng lại ở các tác động về phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức hoạt động, chúng tôi cho rằng cần phải xây dựng một nguồn học liệu bổ trợ nhằm đa dạng hoá tài liệu dạy học, đồng thời khơi dậy ở người học hứng thú, nhu cầu rèn luyện đọc, viết, nói và nghe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Đỗ, N. T., Nguyễn, M. T., Đỗ, X. T., & Phạm, T. T. H. (2019). *Tài liệu tìm hiểu chương trình môn Ngữ văn (Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018)*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn, Q. C. (2011). Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho học sinh phổ thông trước yêu cầu mới. *Tạp chí Giáo dục*, 266, 30–32.

Developing language capacity for grade 6 students through Vietnamese practice activities

Nguyen Thanh Cong

Master's Student, University of Education, Hue University

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 08 January 2023

Received in revised form: 14 March 2023

Accepted: 17 March 2023

Published: 20 August 2026

Keywords:

Language ability;

Practice Vietnamese;

Measures;

Learning materials;

Techniques;

Experiences.

Corresponding author:

Nguyen Thanh Cong

E-mail address:

thanhcongdkr@gmail.com

ABSTRACT

Developing language ability is an important goal of teaching language. In grade 6, the goal of language development is effectively realized through Vietnamese practice activities. From theoretical and practical studies, we propose some orientations and measures to develop language competence for 6th grade students through the use of learning materials and the use of methods and techniques of active teaching. The article also affirms the role of Vietnamese practice experiences in forming language knowledge and practicing reading, writing, speaking and listening for learners.